BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	06 tháng đầu năm 2009	06 tháng đầu năm 2008
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	24.160.445.047	22.326.795.461
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(19.864.202.951)	(40.637.056.196)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.856.331.482)	(1.905.864.842)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(815.150.944)	(374.509.949)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	0	619.789.032
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.020.578.289	128.028.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.488.876.504)	(4.327.673.331)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**156.461.455**	**(24.170.491.825)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(13.106.344.011)	(9.903.328.326)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TS khác	22	0	1.060.500.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.900.000.000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.459.885	5.062.325
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(3.200.884.126)**	**(8.837.766.001)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	28.035.192.349	35.477.078.620
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(24.998.658.817)	(4.333.505.859)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**3.036.533.532**	**31.143.572.761**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(7.889.139)**	**(1.864.685.065)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**2.168.657.473**	**2.010.826.126**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền tồn cuối kỳ	**70**	**2.160.768.334**	**146.141.061**

Hà Nam, ngày 12 tháng 7 năm 2009

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lâm Thị Thu Trang	**Đặng Thị Thu Phương**	**Nguyễn Xuân Mai**